

# CẢM NHẬN CỦA GIẢNG VIÊN VỀ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC LIÊN NGÀNH TẠI ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM

Huỳnh Thụy Phương Hồng<sup>1</sup>, Dương Duy Khoa<sup>1</sup>,  
Trần Thụy Khánh Linh<sup>1</sup>, Lê Khắc Bảo, Nguyễn Thị Mai Hoàng<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Phát triển chương trình giảng dạy IPE và duy trì IPE là một quá trình phức tạp và việc chuẩn bị cẩn thận cho người hướng dẫn vai trò của họ trong việc phát triển, cung cấp và đánh giá IPE là một quá trình quan trọng. Tuy nhiên, nhiều giảng viên có ít hoặc không có kiến thức và tiếp xúc với các hoạt động IPE và cảm thấy chưa sẵn sàng để đối mặt với những thách thức của quá trình đổi mới chương trình giảng dạy này. **Mục tiêu:** Khảo sát cảm nhận của giảng viên tham gia vận hành chương trình giáo dục liên ngành (IPE) tại ĐHY Dược TpHCM. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu định tính với phương pháp thảo luận nhóm được thực hiện trên 24 giảng viên tham gia vận hành chương trình giáo dục liên ngành (IPE) từ tháng 09/2021 đến 01/2023. **Kết quả nghiên cứu:** Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tương thích với khung khái niệm về giảng dạy phối hợp liên ngành tập trung vào hợp tác lấy người bệnh làm trung tâm (IECPCP). Giảng viên cho biết cần: 1) áp dụng đa dạng, phối hợp và lồng ghép nhiều phương pháp dạy và học; 2) có sự phối hợp liên ngành trong giảng dạy; 3) cải tiến mô hình triển khai liên tục; và 4) rào cản về thái độ của sinh viên và giảng viên đối với IPE. **Kết luận:** Tất cả những người tham gia đều coi IPE là một trong những nền tảng có thể được sử dụng để giúp sinh viên đạt được kỹ năng làm việc nhóm và phối hợp liên ngành dựa trên văn hóa tôn trọng và thúc đẩy bản sắc nghề nghiệp thông qua hiểu vai trò, trách nhiệm của họ cũng như của những người khác trong nhóm. **Từ khóa:** giảng viên, giáo dục liên ngành, IPE

## SUMMARY

### PERCEPTION OF LECTURERS TOWARDS INTERPERSONAL PROFESSIONAL EDUCATION AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

**Introduction:** Developing and maintaining an IPE curriculum was a complicated process that required careful preparation of instructors or lecturers. However, many instructors/lecturers had limited knowledge and skills to proceed IPE and they felt unprepared to face the challenges of this curriculum reform process. **Objective:** To explore the perception of lecturers towards the application process of IPE at the University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City (UMP). **Methods:** A qualitative research following a focused-group discussion method was

conducted on 24 lecturers from September 2021 to January 2023 at the UMP. **Results:** The study results showed compatibility with the conceptual framework of interdisciplinary collaborative teaching focusing on patient-centered collaboration (IECPCP). The findings reported: 1) application of diverse teaching and learning methods; 2) interdisciplinary coordination in teaching; 3) continuous improvement of the IPE model; and 4) barriers of students' and faculties' attitudes toward IPE. **Conclusions:** All participants considered IPE as basis preparation to help students acquire skills in teamwork and interdisciplinary collaboration based on a culture of respect and the promotion of informed professional identity throughout the understanding of their roles and responsibilities. **Keywords:** lecturers, faculties, IPE

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mô hình bệnh tật ngày càng phức tạp và yêu cầu ngày càng nâng cao về chất lượng trong điều trị, chăm sóc sức khỏe, nhân viên y tế cần hợp tác liên ngành để có thể đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đa dạng của người bệnh. Hàng loạt các báo cáo sau đó ra đời từ IOM, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) [6], và Josiah Macy Jr. Foundation [2] đều nhận thức rằng sự thành công của thực hành dịch vụ sức khỏe liên quan chặt chẽ với thành phần, chức năng và kỹ năng làm việc theo đội nhóm của nhân viên y tế đến từ các chuyên ngành khác nhau. Các báo cáo của IOM và WHO nhấn mạnh cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao và an toàn cần đẩy mạnh năng lực hợp tác lấy người bệnh làm trung tâm trong môi trường thực hành lâm sàng [6]. Điều này cũng là yêu cầu của kiểm định chất lượng cơ sở y tế. Từ đó đòi hỏi môi trường đào tạo được công nhận chất lượng cũng cần phải triển khai giáo dục liên ngành.

Trong khuôn khổ đổi mới chương trình đào tạo hướng đến năng lực của Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, việc xây dựng chương trình IPE là cần thiết để phát triển các nhóm năng lực cơ bản cho sinh viên: (1) tôn trọng cá thể, giá trị, văn hóa của người bệnh; (2) thông hiểu vai trò, trách nhiệm của nhân viên y tế; (3) giao tiếp liên ngành và (4) làm việc nhóm. Với tầm nhìn của lãnh đạo nhà trường, nhóm giảng viên nòng cốt trong năm qua đã được tạo cơ hội và điều kiện để tham gia các khóa tập huấn về IPE tại Hồng Kông, Philippines. Đại học Y Dược TpHCM đã xây dựng và triển khai chương trình

<sup>1</sup>Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Huỳnh Thụy Phương Hồng

Email: huynhthuyphuonghong@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 19.2.2024

Ngày duyệt bài: 20.3.2024

giáo dục liên ngành từ 2019.

Việc giới thiệu IPE đòi hỏi giảng viên phải đảm nhận vai trò mới trong việc dẫn dắt hoặc vận hành môn học theo phương thức đa ngành. Phát triển chương trình giảng dạy IPE và duy trì IPE là một quá trình phức tạp và việc chuẩn bị cẩn thận cho người hướng dẫn vai trò của họ trong việc phát triển, cung cấp và đánh giá IPE là một quá trình quan trọng [3]. Tuy nhiên, nhiều giảng viên có ít hoặc không có kiến thức và tiếp xúc với các hoạt động IPE và cảm thấy chưa sẵn sàng để đối mặt với những thách thức của quá trình đổi mới chương trình giảng dạy này. Từ đó, nghiên cứu định tính này được tiến hành nhằm khảo sát cảm nhận của giảng viên sau thời gian tham gia vận hành chương trình giáo dục liên ngành (IPE) tại ĐH Y Dược TpHCM.

**Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát cảm nhận của giảng viên tham gia vận hành chương trình giáo dục liên ngành (IPE) tại ĐH Y Dược TpHCM.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

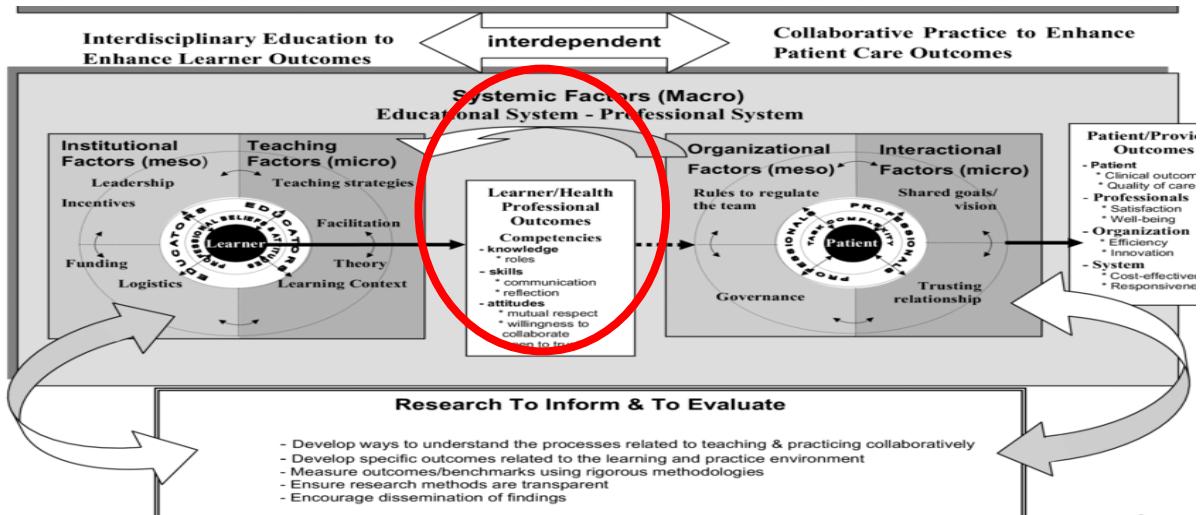
**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu định tính với phương pháp thảo luận nhóm được thực hiện trên giảng viên tham gia vận hành chương trình giáo dục liên ngành (IPE) từ tháng 09/2021 đến 01/2023.

**Đối tượng nghiên cứu:** Giảng viên được chọn là những người có tham gia giảng dạy học

phần IPE năm học 2019-2020 và 2020 – 2021.

**Công cụ thu thập số liệu:** Nghiên cứu viên sử dụng bảng câu hỏi bán cấu trúc (semi-structured) để điều phối 2 buổi thảo luận nhóm (mỗi buổi thảo luận bao gồm 6-10 giảng viên tham gia). Mỗi buổi thảo luận (có ghi âm) kéo dài từ 60-90 phút.

**Phân tích số liệu:** Dữ liệu được phân tích theo phương pháp “Phân tích theo mô hình” (Framework analysis) dựa vào mô hình “giáo dục đa ngành cho thực hành phối hợp lấy người bệnh làm trung tâm (Interprofessional Education for Collaborative Patient-centered Practice – IECPCP) [4]. Mô hình IECPCP ghi nhận ba mức độ yếu tố liên quan đến IPE bao gồm: 1) Mức độ vi mô (Micro level) là những yếu tố liên quan đến giảng dạy; 2) Mức độ tầm trung (Meso level) là những yếu tố liên quan đến thể chế đơn vị; và 3) Mức độ vĩ mô (Macro level) là những yếu tố liên quan đến hệ thống. Các yếu tố thuộc ba mức độ này được xem xét và tương thích trong quá trình xây dựng và triển khai phần giáo dục liên ngành tại đại học Y Dược TpHCM. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, nghiên cứu tập trung tìm hiểu những cảm nhận và suy nghĩ của giảng viên ở khía cạnh giảng dạy bao gồm chiến lược, môi trường, triết lý, điều kiện thuận lợi và thách thức trong triển khai và giảng dạy môn học IPE (Hình 1)



**Hình 1: Mô hình khái niệm về giáo dục liên ngành tập trung vào phối hợp lấy người bệnh làm trung tâm - IECPCP [2,4]**

**Đạo đức trong nghiên cứu:** Đề cương nghiên cứu đã được chấp thuận về mặt đạo đức từ Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh trong nghiên cứu y sinh học số 448/HĐĐĐ-ĐHYD ngày 21 tháng 06 năm 2021.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**Đặc điểm đối tượng nghiên cứu.** Có 24 giảng viên phản hồi chấp thuận tham gia nghiên cứu với đặc điểm dân số học mô tả trong bảng 1.

**Bảng 1. Đặc điểm dân số tham gia nghiên cứu (n=24)**

	Tần số (%)	Trung bình (Độ lệch chuẩn)
<b>Tuổi</b>		39,8 (2,83)
<b>Giới tính</b>		
Nam	8 (33,3)	
Nữ	16 (66,7)	
<b>Dân tộc</b>		
Kinh	24 (100)	
Khác	0 (0)	
<b>Ngành học</b>		
Y đa khoa	9 (37,5)	
Điều dưỡng	6 (25)	
Dược	4 (16,7)	
Phục hồi chức năng	5 (20,8)	

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tương thích với khung khái niệm về giảng dạy phối hợp liên ngành tập trung vào hợp tác lấy người bệnh làm trung tâm (IEPCP). Giảng viên cho biết cần: 1) áp dụng đa dạng, phối hợp và lồng ghép nhiều phương pháp dạy và học; 2) có sự phối hợp liên ngành trong giảng dạy; 3) cải tiến mô hình triển khai liên tục; và 4) rào cản về thái độ của sinh viên đối với IPE.

**Đa dạng, phối hợp và lồng ghép nhiều phương pháp giảng dạy.** Quá trình vận hành môn học IPE, giảng viên cho biết điểm đặc biệt chính là việc áp dụng, phối hợp và lồng ghép nhiều phương pháp dạy học và lượng giá. Nhiều phương pháp như sử dụng trò chơi trong giảng dạy (game-based teaching), đóng vai (role play), lớp học đảo chiều (flipped classroom), hỗ trợ đồng đẳng (peer support), mô phỏng (simulation) cùng nhiều hoạt động cá nhân và nhóm được triển khai.

GV 11: Điều rất đặc biệt ở môn học này là chúng tôi triển khai khá nhiều phương pháp giảng dạy, gần như không môn học nào đa dạng về phương pháp như vậy. Lớp học thường sôi nổi, thú vị, ít khi nhàm chán khi các em và cả chúng tôi phải thực hiện nhiều hoạt động khác nhau...

Mỗi phương pháp được sử dụng chọn lọc nhằm phát huy tối đa những ưu điểm, trong khi việc phối hợp lồng ghép nhiều phương pháp khác nhau giúp cải thiện khuyết điểm của từng phương pháp cũng như phát triển năng lực khác nhau của sinh viên

GV 15: Nhiều phương pháp lồng ghép khá hữu ích, giúp phát triển nhiều năng lực của sinh viên. Như làm việc nhóm thì chúng tôi cho các em chơi các trò chơi đồng đội, kỹ năng ra quyết định thì chúng tôi cho các em giải quyết tình huống trên mô phỏng...

Hoặc

GV18: Thật ra mỗi phương pháp (giảng dạy)

đều có điểm mạnh và yếu và hiệu quả mang lại khác nhau (tập trung vào các năng lực khác nhau). Làm việc liên ngành không chỉ đơn giản là làm việc nhóm mà còn bao gồm nhiều khía cạnh khác như thấu hiểu, công nhận, tôn trọng (khía cạnh thái độ) hay điều phối, quản lý (kỹ năng lãnh đạo quản lý), hay giải quyết tình huống (kỹ năng ra quyết định).... Điều đó đòi hỏi chúng tôi phải áp dụng nhiều phương pháp khác nhau....

#### **Phối hợp liên ngành trong giảng dạy**

Giảng viên cho rằng môn học không những giúp sinh viên nâng cao năng lực làm việc phối hợp liên ngành, chính giảng viên đang thực hiện làm việc liên ngành trong triển khai giảng dạy.

GV20: Chúng tôi cũng phải thực hành (cười lớn) hay đúng hơn áp dụng tất cả những kỹ năng phối hợp liên ngành để làm việc với nhau. Trước giờ chúng tôi quen làm việc trong cùng bộ môn (ngành nghề) với nhau, khi tham gia môn học này, chúng tôi cũng phải học hỏi và thực hành....

Giảng viên các ngành nghề khác nhau cùng tham gia từ quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các hoạt động giảng dạy, chuẩn bị vật liệu phục vụ cho giảng dạy (hướng dẫn môn học, ca lâm sàng, kịch bản tình huống, trang thiết bị vật tư), huấn luyện người bệnh chuẩn, rà soát và hoàn thiện kế hoạch bài giảng. Giảng viên cho rằng việc các ngành nghề phối hợp làm việc hướng tới một mục tiêu giúp cho mọi người nhận được rất nhiều thông tin và hiểu được rõ thêm vai trò chức năng của từng ngành nghề.

GV1: Không chỉ sinh viên hiểu ngành nghề của nhau, ngay cả chúng tôi (là giảng viên) khi tham gia quá trình triển khai môn học này cũng học được rất nhiều từ đồng nghiệp ngành nghề khác. Có nhiều vai trò chức năng, bản thân tôi khi làm việc với đồng nghiệp mới thấy rõ ràng hơn.

GV4: Đúng vậy, nhưng không chỉ là hiểu rõ vai trò công việc của nhau, tôi nghĩ chúng tôi nhìn thấy được những khó khăn mà từng ngành nghề gặp phải khi giải quyết một vấn đề trên lâm sàng... vì bản chất là chúng tôi dùng những gì thực tế gặp phải để xây dựng tình huống cho các em giải quyết...

GV5: Có thể nói nhờ vậy mà chúng tôi có dịp nghe đồng nghiệp mình ở vai trò khác nói... tôi nghĩ không chỉ các em hiểu nhau mà chúng tôi cũng có cơ hội hiểu nhau

**Cải tiến liên tục môn học.** Giảng viên ghi nhận IPE là môn học cần thiết và quan trọng, tuy nhiên quá trình cải tiến môn học phải luôn được thực hiện, không chỉ sau khi kết thúc môn, mà bắt đầu từ buổi học đầu tiên từ những phản

hồi và tương tác của sinh viên.

GV11: Môn học này cần được cải tiến ngay sau buổi học đầu tiên để có sự điều chỉnh phù hợp cho những buổi học tiếp theo. Thật ra nội dung đã thống nhất và chương trình được xây dựng từ đầu nhưng các hoạt động và phương pháp truyền tải cần được rà soát và điều chỉnh liên tục. Do có nhiều hoạt động và tương tác giữa sinh viên – sinh viên, giảng viên – giảng viên, giảng viên – sinh viên tạo nên môi trường học vô cùng linh hoạt, nên việc nhận phản hồi và điều chỉnh cần diễn ra liên tục....

Giảng viên nhận diện ra nhiều khía cạnh cần được chú ý và cải thiện, ví dụ quá trình cho và nhận phản hồi được xem đóng vai trò rất quan trọng trong vận hành IPE, cả quy trình và hình thức phản hồi. Phản hồi 360 độ được áp dụng trong IPE được xem là một điểm khác biệt so với những đánh giá môn học thường quy.

GV6: Tôi thấy có nhiều khía cạnh cần được quan tâm và điều chỉnh nhanh, điều đang được thực hiện trong IPE. Nó làm tôi có thêm nhiều thông tin để có thể áp dụng vào giảng dạy của mình...

#### Hoặc

GV9: Tôi nghĩ phản hồi là một điểm mạnh của IPE, từ đó GV nhanh chóng và kịp thời điều chỉnh việc dạy và học. Tuy nhiên, cá nhân tôi nghĩ còn nhiều điều cần liên tục được điều chỉnh trong suốt quá trình diễn ra IPE

#### Hoặc

GV14: Tôi nghĩ lượng giá 360 khá hiệu quả tuy nhiên cần có sự điều chỉnh để có thể thu được nhiều thông tin hơn cũng như giảm bớt các bước thực hiện

**Rào cản về thái độ của sinh viên đối với IPE.** Giảng viên đồng thuận cao về tầm quan trọng của môn học IPE cũng như nhận được nhiều sự hỗ trợ từ Đại học Y Dược TpHCM trong quá trình triển khai môn học. Tuy nhiên một số rào cản cũng được thảo luận, nổi bật là thái độ về IPE của sinh viên. Giảng viên cho rằng ý nghĩa của IPE chưa được phổ biến và hiểu rõ ở toàn bộ sinh viên và giảng viên tham gia. Điều này dẫn đến sự chưa đồng bộ trong triển khai, dạy và học, ảnh hưởng đến chất lượng và phát triển môn học.

GV7: ... điều cần lưu ý là thái độ học tập môn IPE của sinh viên. Nhiều bạn chưa nghiêm túc, tập trung và đầu tư vào môn học này như những môn học khác, dẫn đến ảnh hưởng kết quả học tập chưa được tốt...

#### Hoặc

GV21: mặc dù có những cuộc họp trao đổi trước khi môn học diễn ra, tuy nhiên không

phải tất cả giảng viên có sự đầu tư như nhau vào IPE, đôi khi dẫn đến sự không đồng bộ trong triển khai hoặc chất lượng giảng dạy....

## IV. BÀN LUẬN

### Đặc điểm của đôi tượng nghiên cứu.

Chương trình môn học giáo dục liên ngành (IPE) có sự tham gia của bốn ngành bao gồm bác sĩ đa khoa, điều dưỡng, dược và phục hồi chức năng, ít hơn các nghiên cứu khác trên thế giới có các ngành nghề như tâm lý học, nhân viên xã hội, nha sĩ [5]. Bác sĩ đa khoa và điều dưỡng chiếm tỉ lệ cao nhất, phù hợp với cấu trúc về số lượng đào tạo của các ngành nghề tại Đại học Y Dược TpHCM. Số lượng giảng viên các ngành tham gia vào IPE tương ứng với cấu trúc phân bố sinh viên tham gia học tập.

Nghiên cứu cho thấy rằng những người tham gia nhận thấy sự cần thiết phải hiểu IPE và cần có thái độ đúng về IPE, tạo điều kiện thuận lợi cho khả năng triển khai IPE. Kết quả nghiên cứu có sự tương đồng với kết quả của Egan-Lee. Điều quan trọng là giảng viên nhận thức được tầm quan trọng của IPE, có nhận định và kế hoạch rõ ràng trong việc tự phát triển bản thân những kiến thức và kỹ năng phối hợp liên ngành [1].

Những người tham gia cũng nhận thấy sự cần thiết phải có nhiều kỹ năng khác nhau để thực hiện thành công IPE. Những phát hiện này nhất quán với kết quả của các nghiên cứu khác khám phá nhận thức của giảng viên về IPE [1]. Các giảng viên cảm thấy cần áp dụng nhiều kỹ năng trong việc hướng dẫn các sinh viên từ nhiều chuyên ngành làm việc với nhau nhằm trao đổi kiến thức, kỹ năng lâm sàng hoặc các khía cạnh kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân, từ đó thúc đẩy văn hóa phối hợp liên ngành.

Nhiều phương pháp giảng dạy được giảng viên đề cập áp dụng cho các hình thức học tập khác nhau hướng tới phát triển toàn diện những kỹ năng cần thiết trong phối hợp làm việc liên ngành. Kết quả này cũng tương tự với các nghiên cứu khác, trong đó nhấn mạnh các phương pháp thực tế để giảng dạy IPE ngoài bài giảng [3]. Mô hình phối hợp và lồng ghép nhiều phương pháp giảng dạy đã được sử dụng trên toàn cầu để thúc đẩy IPE.

Tuy nhiên, một trong những rào cản lớn nhất mà giảng viên nhận thấy trong nghiên cứu này là không phải tất cả giảng viên và sinh viên có thái độ tích cực và nhận thức đúng về vai trò của IPE trong chăm sóc sức khỏe người bệnh [3]. Việc chuẩn bị cho giảng viên tiếp xúc, tìm hiểu và sẵn sàng triển khai IPE sẽ giúp họ có được quan điểm mới và cập nhật xu hướng thế

gợi về môn học này, từ đó cho phép họ đánh giá cao giá trị của nó và sẵn sàng cho tiến trình triển khai IPE trong giáo dục khối ngành sức khỏe tại Đại học Y Dược TpHCM.

## V. KẾT LUẬN

Cảm nhận và suy nghĩ của giảng viên ở khía cạnh giảng dạy về quá trình triển khai IPE bao gồm: 1) áp dụng đa dạng, phối hợp và lồng ghép nhiều phương pháp dạy và học; 2) có sự phối hợp liên ngành trong giảng dạy; 3) cải tiến mô hình triển khai liên tục; và 4) rào cản về thái độ của sinh viên đối với IPE.

## VI. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện giúp nghiên cứu được thực hiện. Nhóm nghiên cứu xin cảm ơn đến tất cả giảng viên Đại học Y Dược Tp Hồ Chí Minh đã đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chitsulo, C. G., Chirwa, E. M., & Wilson, L.** (2021). Faculty knowledge and skills needs in interprofessional education among faculty at the College of Medicine and Kamuzu College of

- Nursing, University of Malawi. Malawi Medical Journal, 33(Postgraduate Supplementary Iss), 30.
2. **Macy Foundation.** (2013). Transforming Patient Care: Aligning Interprofessional Education with Clinical Practice Redesign, Conference Recommendations. Retrieved November 23, 2015, from [http://macyfoundation.org/docs/macy\\_pubs/TransformingPatientCare\\_ConferenceRec.pdf](http://macyfoundation.org/docs/macy_pubs/TransformingPatientCare_ConferenceRec.pdf)
3. **Nawaqi, F., Munabi, I. G., Vvt, A., Kiyuli, S., & Mubuuqe, A. G.** (2023). An exploration of faculty perspectives towards interprofessional education and collaborative practice during international electives in health professions training institutions in Africa. Journal of Global Health Reports, 7. e2023066.
4. **Oandasan I, Reeves S.** Key elements of interprofessional education. Part 2: factors, processes and outcomes. Journal of Interprofessional care. 2005 Mar 1;19(sup1):39-48.
5. **Svahrizal D, Renaldi T, Dianti SW, Jannah N, Rachmah R, Firdausa S, Vonna A.** The differences in perceptions of interprofessional education among health profession students: The Indonesian experience. Journal of multidisciplinary healthcare. 2020 May 12:403-10.
6. **World Health Organization,** (2010). Framework for action on interprofessional education & collaborative practice. Geneva: World Health Organization.

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHẪU THUẬT CLEAR ĐIỀU CHỈNH CẬN LOẠN THỊ SAU 1 NĂM

Trần Thị Hương Lan<sup>1</sup>, Cung Hồng Sơn<sup>1</sup>, Trần Ngọc Thành<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá kết quả và độ an toàn của phẫu thuật CLEAR điều chỉnh cận loạn thị sau 1 năm. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu hồi cứu trên 886 mắt của 548 bệnh nhân cận thị, loạn thị được phẫu thuật khúc xạ bằng phương pháp CLEAR tại Bệnh viện Mắt Hồng Sơn từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 10 năm 2023. Các bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu và có tuổi từ 18 đến 40, khúc xạ ổn định trên 12 tháng, độ cận thị từ -0.50 D đến -10.00 D, độ loạn thị từ 0 D đến -5.00 D. Biến số về thị lực, độ cầu tương đương, độ loạn thị và trục loạn được đo trước phẫu thuật và sau phẫu thuật 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng. Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. **Kết quả:** Độ cầu tương đương trung bình trước mổ là  $-6.06 \pm 2.23$  D, giảm dần sau 1 tháng phẫu thuật ( $-0.01 \pm 0.05$  D,  $p = 0.000$ ) và ổn định cho đến 12 tháng sau phẫu thuật ( $-$

$0.02 \pm 0.51$  D). Sau phẫu thuật 12 tháng, tỷ lệ độ cầu tương đương tồn dư  $\pm 0.50$  D là 84.6% và  $\pm 1.00$  D là 97.9%. Thị lực không chỉnh kính  $\geq 20/25$  là 97.1% tại thời điểm 12 tháng. 7 mắt (0.79%) có sẹo và mất 1 hàng thị lực chỉnh kính tối đa sau 12 tháng, không mất nào mất thị lực hơn 2 hàng. Không ghi nhận tình trạng mất lực hút trong phẫu thuật, không ghi nhận các biến chứng khác trong và sau phẫu thuật. **Kết luận:** CLEAR là phẫu thuật hiệu quả và an toàn trong điều chỉnh cận loạn thị. **Từ khóa:** cận thị, loạn thị, phẫu thuật khúc xạ, phẫu thuật CLEAR.

## SUMMARY

### ONE – YEAR OUTCOMES AND SAFETY OF CLEAR SURGERY FOR CORRECTING MYOPIC ASTIGMATISM

**Purpose:** To evaluate one - year outcomes and safety of CLEAR surgery for correcting myopic astigmatism. **Method:** A retrospective study on 886 eyes of 548 patients with myopic astigmatism treated with CLEAR surgery at Hong Son Eye Hospital, Viet Nam from January in 2022 to December in 2023. Patients aged between 18 and 40 years old, with sphere up to  $-10.00$  D and astigmatism up to  $-5.00$  D. Uncorrected distance visual acuity (UDVA), corrected distance visual acuity (CDVA), spherical equivalent refraction (SEQ), astigmatism and axis

<sup>1</sup>Bệnh viện mắt Trung Ương

<sup>2</sup>Bệnh viện mắt Hồng Sơn

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Hương Lan

Email: huonglanmat1991@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.01.2024

Ngày phản biện khoa học: 20.2.2024

Ngày duyệt bài: 21.3.2024